TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **71**/2025/HNGĐ - ST Ngày 30 - 12 - 2025 V/v: Không công nhận là vợ chồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1977

Căn cước công dân số: 038177005041.

Địa chỉ: Thôn N, xã L1, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân Q, sinh năm 1975

Căn cước công dân số: 038075008506.

Địa chỉ: Thôn L, xã L1, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị T có mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2025, bản tự khai ngày 27/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã L1, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/12/1996. Tuy nhiên, do quá trình chuyển nhà nên chị đã làm mất Giấy đăng ký kết hôn bản gốc. Chị đã đến UBND xã L1 để xin cấp trích lục kết hôn nhưng UBND xã xác nhận không có

tên vợ chồng trong Sổ đăng ký kết hôn. Chị và anh Q chung sống hạnh phúc được 3 tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Cao Xuân Q là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 12/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cao Xuân Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã L1, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/12/1996. Tuy nhiên, hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc và UBND xã L1 kiểm tra Sổ đăng ký hộ tịch từ năm 1996 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của anh và chị T nên anh không thể xuất trình được bản sao Trích lục kết hôn. Sau khi cưới anh và chị T chung sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh đi làm xa nhà, chị T ở nhà tự ý bỏ về nhà ngoại. Anh đã khuyên bảo nhưng chị T vẫn không quay về. Anh và chị T sống ly thân từ năm 1997 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Biên bản xác minh ngày 12/12/2025 tại UBND xã L1, tỉnh Thanh Hóa cung cấp:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có chung sống với nhau từ năm 1996. Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ từ năm 1996 đến nay tại UBND xã L1 không có tên của anh Cao Xuân Q và chị Mai Thị T. Vì vậy, UBND xã không có cơ sở để xác định anh Q và chị T có đăng ký kết hôn hay không. Anh Q và chị T sau khi về chung sống với nhau thì xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Q là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q không có con chung.

** Tại phiên tòa:*

Chị Mai Thị T xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Q là vợ chồng.

Anh Cao Xuân Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh không bổ sung ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q là vợ chồng. Anh Cao Xuân Q có địa chỉ thường trú tại thôn L, xã L1, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Anh Cao Xuân Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1996. Quá trình chung sống chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ đầu năm 1997 đến nay. Tuy chị T và anh Q đều trình bày anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện C vào tháng 12 năm 1996 nhưng theo Biên bản xác minh tại UBND xã L1 cung cấp: Qua kiểm tra Sổ lưu trữ kết hôn từ năm 1996 đến nay không thể hiện chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q có đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, không có cơ sở để xác định chị T và anh Q có đăng ký kết hôn hay không.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T, không công nhận chị T và anh Cao Xuân Q là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị Mai Thị T và anh Cao Xuân Q là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003073 ngày 17/11/2025. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà